

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÁNH LINH
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 59 /2018/DS-ST.
Ngày: 22/11/2018.
V/v: “*Tranh chấp về hợp đồng
vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÁNH LINH
TỈNH BÌNH THUẬN**

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Mận.

Các hội thẩm nhân dân : 1. Ông Dương Thế Hà.
2. Bà Đinh Thị Nguyệt.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh tham gia phiên tòa:
Bà Đinh Thị Vân Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 11 năm 2018, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh; xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 192/2018/TLST - DS ngày 18 tháng 9 năm 2018; về việc “Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản”; Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 77/2018/QĐST-DS ngày 08 tháng 11 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Đặng Hồng Ph, sinh năm 1961; Địa chỉ : Ấp 1, xã T, huyện T, tỉnh C. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Chị Lê Thị Thiên Tr, sinh năm 1983; Địa chỉ : Thôn S, xã S, huyện TL, tỉnh B. Vắng mặt;

(Chị Tr đã có đơn xin xét xử vắng mặt)

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Anh Đoàn Văn V, sinh năm 1976 ; Địa chỉ : Thôn S, xã S, huyện TL, tỉnh B. Vắng mặt;

(Anh V đã ủy quyền cho chị Tr và chị Tr đã có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Ông Lê Văn T, sinh năm 1960; Địa chỉ: Ấp 1, xã T, huyện T, tỉnh C. Vắng mặt;

(Ông T đã có đơn xin xét xử vắng mặt)

4. Người làm chứng :

- Anh Lê Tầu N, sinh năm 2000; Địa chỉ : Ấp 1, xã T, huyện T, tỉnh C. Có mặt.

- Bà Hồ Thị K, sinh năm 1944; Địa chỉ : Ấp B, xã T, huyện , tỉnh D. Vắng mặt.

(Bà K có yêu cầu xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN :

Nguyên đơn - Bà Đặng Hồng P yêu cầu:

Bà Phượng khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị Lê Thị Thiên Tr và anh Đoàn Văn V phải trả cho bà Phượng số vàng còn nợ là 01 cây vàng 24k và bà P không tính lãi đối với số vàng nói trên. Căn cứ khởi kiện cụ thể:

Khoảng đầu năm 2014, do cần vốn để mua phân bón đầu tư trồng xoài nên vợ chồng chị Lê Thị Thiên Tr và anh Đoàn Văn V có hỏi vay của bà Đặng Hồng P một số tiền. Tại thời điểm đó bà P đồng ý cho vợ chồng chị Tr, anh V vay 15 chỉ vàng 24k. Anh V và chị Tr có hứa thời hạn khoảng 4 đến 5 tháng khi thu hoạch xoài sẽ thanh toán đủ số vàng trên cho bà P. Tuy nhiên sau đó vợ chồng chị Tr, anh V không trả nợ như đã hứa. Sau nhiều lần yêu cầu đòi nợ thì đến cuối năm 2015 chị Tr và anh V có trả cho bà P được 02 chỉ vàng. Thời gian sau đó mặc dù bà P nhiều lần gọi điện cũng như trực tiếp đến nhà yêu cầu vợ chồng chị Tr, anh V trả nợ nhưng chị Tr và anh V vẫn không trả mà hứa hẹn hết thời gian này đến thời gian khác. Vì vậy đến tháng 4/2018 bà P đã làm đơn gửi tới ban thôn S, xã S để yêu cầu can thiệp giải quyết. Tại buổi hòa giải được tổ chức tại thôn S thì chị Lê Thị Thiên Tr có thừa nhận còn nợ bà P 13 chỉ vàng 24k, chị Tr đồng ý trả cho bà P mỗi tháng 01 chỉ vàng 24k, đến tháng thứ 8 thì trả dứt điểm số vàng còn lại. Tuy nhiên, sau khi ký biên bản hòa giải thì vợ chồng chị Tr, anh V chỉ trả cho bà P được 03 tháng tương ứng với 03 chỉ vàng 24k, sau đó thì không tiếp tục trả nữa. Vì vậy bà P đã phải làm đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh để yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng chị Tr, anh V phải trả số nợ còn lại là 10 chỉ vàng 24k.

Ngoài ra bà P không yêu cầu gì khác.

Bị đơn – Chị Lê Thị Thiên Tr trình bày:

Chị Tr thừa nhận vào khoảng đầu năm 2014, vợ chồng chị Tr cần vốn đầu tư chăm sóc cây xoài nên có vay vợ chồng anh trai là anh Lê Văn T và chị Đặng Hồng P 15 chỉ vàng 24k; thời điểm vay thì chị Tr có hứa sau khi thu hoạch xoài sẽ thu xếp trả nợ cho anh T, chị P. Tuy nhiên do việc trồng xoài bị thất bại nên vợ chồng anh chị không trả được nợ cho anh T và chị P. Năm 2015, chị Tr có trả

cho chị P được 02 chỉ vàng 24k. Thời gian sau đó, chị P có sai con trai là Lê Tàu N lên nhà chị Tr để lấy nợ nhưng do chị Tr chưa thu xếp trả nợ theo yêu cầu của chị P mà có đưa cho cháu N ba lần tổng cộng là 4.500.000đồng, cụ thể lần thứ nhất 1.500.000đồng, lần thứ hai 2.000.000đồng và lần thứ ba là 1.000.000đồng. Sau đó khi mẹ ruột chị Tr là bà Hồ Thị K bị tai nạn phải điều trị tại bệnh viện thì anh Lê Văn T có gọi điện yêu cầu vợ chồng chị Tr phải trả cho anh T 10.000.000đồng bằng cách chuyển số tiền trên cho bà Hồ Thị K. Vì vậy vợ chồng chị Tr đã chuyển cho bà K 2 lần, mỗi lần 5.000.000đồng. Tháng 4/2018, sau khi tham gia hòa giải tại ban thôn S thì chị Tr đã đồng ý trả cho chị P mỗi tháng 01 chỉ vàng 24k và đã trả cho chị P được thêm 03 tháng là 03 chỉ vàng 24k. Sau đó do anh Đoàn Văn V bị tai nạn nên chị Tr không tiếp tục trả nợ cho chị P như đã hứa. Như vậy tính đến thời điểm hiện nay chị Tr đã trả cho chị P được 05 chỉ vàng 24k và 14.500.000đồng, còn nợ lại khoảng 06 chỉ vàng 24k. Chị Tr có yêu cầu chị P khấu trừ số tiền 14.500.000đồng vào số vàng mà chị Tr còn nợ chị P, còn lại bao nhiêu thì chị Tr sẽ trả cho chị P.

Người có quyền và nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn T trình bày:

Trước đây ông T đi làm và không có mặt ở nhà thì vợ ông là bà Đặng Hồng P có gọi điện nói với ông T là cô út (tức là Lê Thị Thiên Tr) cần tiền để mua phân bón đầu tư cho cây trồng nên có hỏi mượn tiền vợ chồng ông thì ông T cũng đồng ý thống nhất với vợ là bà Đặng Hồng P cho vợ chồng chị Lê Thị Thiên Tr và anh Đoàn Văn V vay 15 chỉ vàng 24k trong thời gian 4 đến 5 tháng. Thời gian sau đó vợ chồng ông yêu cầu vợ chồng chị Tr trả nợ nhưng chị Tr, anh V vẫn chưa trả hết nợ. Vì vậy hiện nay, ông cũng thống nhất với yêu cầu của bà Đặng Hồng P buộc vợ chồng chị Tr, anh V phải trả cho bà Đặng Hồng P 10 chỉ vàng còn thiếu.

Ngoài ra trong thời gian qua, bản thân ông T cũng không yêu cầu vợ chồng chị Tr, anh V chuyển tiền cho mẹ ruột ông là bà Hồ Thị K, nên việc chị Tr yêu cầu khấu trừ số tiền này vào khoản nợ mà vợ chồng chị Tr còn nợ của vợ chồng ông là không có căn cứ.

Người làm chứng Lê Tàu N trình bày:

Anh Lê Tàu N là con của ông Lê Văn T và bà Đặng Hồng P. Trong thời gian chung sống với cha mẹ thì bà Phụng nhiều lần sai anh N lên nhà cô ruột là Lê Thị Thiên Tr để lấy nợ cho bà P. Tuy nhiên mỗi lần lên nhà thì cô Tr đều không có tiền để trả nợ cho bà P.

Việc cô Lê Thị Thiên Tr trình bày có đưa cho anh N ba lần tổng cộng số tiền là 4.500.000đồng để trả nợ cho bà Đặng Hồng P là hoàn toàn không có căn cứ.

Người làm chứng Hồ Thị K trình bày:

Bà Kiềm là mẹ ruột của anh Lê Văn T và chị Lê Thị Thiên Tr. Việc vợ chồng anh T, chị P cho vợ chồng chị Tr, anh V vay mượn vàng vào thời gian nào thì bà K không được biết. Đến thời điểm bà K bị té phải nằm điều trị tại bệnh viện

thì anh Lê Văn T có gọi điện hỏi thăm và có nói cho bà K 10.000.000đồng. Sau đó bà K có nhận được 10.000.000đồng do con rể là Đoàn Văn V gửi qua đường bưu điện, anh V và chị Tr có thông báo cho bà biết đó là số tiền của anh T gửi cho bà K. Một thời gian sau thì vợ của anh Lê Văn T là Đặng Hồng P cùng với con trai đến thăm bà K thì chị P có nhắc tới số tiền 10.000.000đồng này và có nói lại với bà K rằng “Số tiền đó con cho má 5 tháng để thu xếp trả cho con”. Lúc đó bà K cũng có nói lại nếu vợ chồng con không cho má thì để từ từ má làm má trả, chứ bây giờ má không có. Như vậy thực tế thì vợ chồng chị Lê Thị Thiên Tr và anh Đoàn Văn V có chuyển cho bà K 10.000.000đồng, vì vậy bà K đề nghị khấu trừ khoản tiền này vào khoản nợ của vợ chồng chị Tr, anh V với chị Đặng Hồng P.

Trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân theo đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử.

- Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, các đương sự đã thực hiện đúng các quy định về quyền và nghĩa vụ của các đương sự theo quy định của BLTTDS.

- Quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng

+ Khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; các Điều 146, 147 và 203, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

+ Điều 471, 474 BLDS 2005;

+ Nghị quyết 326/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Đề tuyên xử:

+ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Hồng Phượng. Buộc chị Lê Thị Thiên Tr, anh Đoàn Văn V phải có trách nhiệm liên đới trả cho bà Đặng Hồng P, ông Lê Văn T 10 chỉ vàng 24k.

+ Về án phí: Buộc vợ chồng anh Đoàn Văn V, chị Lê Thị Thiên Tr phải nộp 1.690.000đồng án phí dân sự sung công quỹ nhà nước.

Trả lại cho bà P 850.000đồng tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nghe các đương sự trình bày; nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh phát biểu ý

kiến, quan điểm giải quyết vụ án. Sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp trong vụ án: Trong quá trình tố tụng cũng như tại phiên Tòa, các đương sự đều công nhận vào khoảng năm 2014, vợ chồng chị Lê Thị Thiên Tr có vay của bà Đặng Hồng P 15 chỉ vàng 24k với thời hạn khoảng 4 đến 5 tháng. Tuy nhiên sau đó vợ chồng chị Tr, anh V không trả nợ đúng hạn. Sau nhiều lần bà P trực tiếp yêu cầu anh V, chị Tr trả nợ thì vợ chồng chị chưa trả hết số nợ trên cho bà P nên bà P đã làm đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh để yêu cầu giải quyết buộc vợ chồng chị Tr, anh V trả nợ cho bà P. Vì vậy Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*” theo quy định tại khoản 3, Điều 26 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015 và Điều 471 Bộ luật dân sự 2005.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – Bà Đặng Hồng P:

Tại phiên tòa, bà Đặng Hồng P vẫn giữ yêu cầu buộc vợ chồng anh Đoàn Văn V và chị Lê Thị Thiên Tr phải trả số nợ vay là 10 chỉ vàng. Căn cứ khởi kiện là vào năm 2014, bà P cho chị Tr, anh V vay 15 chỉ vàng, hai bên thỏa thuận với nhau tới mùa thu hoạch xoài sẽ thanh toán nợ cho bà P (tức là thời hạn khoảng bốn đến năm tháng). Tuy nhiên cho đến nay thì anh V, chị Tr mới chỉ trả cho bà P được tổng cộng là 05 chỉ vàng, còn nợ lại 10 chỉ vàng. Số vàng này được xác nhận là tài sản chung của vợ chồng bà Đặng Hồng P và ông Lê Văn T. Tuy nhiên ông Lê Văn T đề nghị Tòa án giải quyết buộc chị Tr và anh V trả nợ cho cá nhân bà Đặng Hồng P (bút lục số 48).

Phía bị đơn chị Lê Thị Thiên Tr, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Đoàn Văn V thừa nhận năm 2014 có vay của bà Đặng Hồng P 15 chỉ vàng 24k, mục đích sử dụng tài sản vay là phát triển kinh tế gia đình và thỏa thuận về việc trả nợ vay trong thời hạn khoảng bốn đến năm tháng kể từ ngày vay. Tuy nhiên trong thời gian vừa qua thì vợ chồng chị Tr, anh V đã trả cho bà P được tổng cộng 05 chỉ vàng và 14.500.000đồng. Chị Tr yêu cầu khấu trừ thêm số tiền 14.500.000đồng vào số nợ vay, còn nợ lại bao nhiêu vợ chồng chị Tr sẽ có trách nhiệm trả đủ. Theo chị Tr số tiền 14.500.000đồng mà chị Tr đã trả cho bà P làm nhiều lần cụ thể: cháu Lê Tảo N nhận thay bà P ba lần tổng cộng 4.500.000đồng và 10.000.000đồng vợ chồng chị Tr đã chuyển cho bà Hồ Thị K theo yêu cầu của ông T (chồng bà P); bà K cũng xác nhận có nhận 10.000.000đồng do anh Đoàn Văn V chuyển về. Tuy nhiên, anh Lê Tảo N không thừa nhận việc đã nhận tiền thay bà Phượng từ chị Trang và ông Lê Văn Tường không thừa nhận việc có gọi điện yêu cầu chị Trang chuyển tiền cho bà Kiêm để trừ vào khoản tiền chị Trang còn nợ bà P. Ngoài ra chị Tr cũng không cung cấp được chứng cứ nào khác thể hiện việc mình đã trả nợ cho bà P bằng các hình thức trên. Vì vậy HĐXX xét thấy không có căn cứ để xác định việc vợ chồng chị Tr, anh V đã trả cho bà P được số tiền 14.500.000đồng. Do đó không có căn cứ để khấu trừ số tiền này trong số nợ vay của chị Tr, anh V đối với bà P.

Từ sự phân tích nêu trên, HĐXX xác định vợ chồng anh Đoàn Văn V và chị Lê Thị Thiên Tr còn nợ bà Đặng Hồng P 10 chỉ vàng 24k. Vì vậy cần buộc vợ chồng anh Đoàn Văn V và chị Lê Thị Thiên Tr phải liên đới trả cho bà Đặng Hồng P 10 chỉ vàng 24k là phù hợp với quy định tại điều 474 Bộ luật dân sự 2005.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn bà Đặng Thị Hồng P được chấp nhận nên bị đơn anh Đoàn Văn V và chị Lê Thị Thiên Tr phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Theo kết quả xác minh thì giá vàng 24k tại thời điểm xét xử sơ thẩm là 3.380.000đồng/chỉ. Như vậy 10 chỉ vàng 24k có tổng số tiền là 33.800.000đồng.

Bà Đặng Hồng P được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; các Điều 146, 147 và 203, 227, 228 Bộ luật TTDS;

- Điều 471, 474 BLDS 2005;

- Khoản 2 Điều 357 BLDS 2015;

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Hồng P về việc yêu cầu vợ chồng anh Đoàn Văn V và chị Lê Thị Thiên Tr phải trả nợ vay.

Buộc vợ chồng anh Đoàn Văn V và chị Lê Thị Thiên Tr phải có trách nhiệm liên đới trả cho bà Đặng Hồng P 10 chỉ vàng 24k.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ hoàn trả tiền thì còn phải chịu thêm khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất như sau: Trường hợp các bên có thỏa thuận thì mức lãi suất không được vượt quá 20%/năm; Trường hợp các bên không có thỏa thuận thì mức lãi suất là 10%/năm; Theo quy định khác của pháp luật (nếu có).

Về án phí:

Buộc vợ chồng anh Đoàn Văn V, chị Lê Thị Thiên Tr phải liên đới nộp 1.690.000đồng án phí dân sự sung công quỹ nhà nước.

Trả cho bà Đặng Hồng P số tiền 850.000đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0022853 ngày 18/9/2018.

Án xử sơ thẩm. Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 22/11/2018). Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án Dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự. (Đã giải thích quyền kháng cáo).

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tánh Linh;
- Các đương sự.....;
- Chi cục Thi hành án DS h.Tánh Linh;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Dương Thị Mận